

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 26 - 4 - 2024
V/v: Tranh chấp yêu cầu chia tài
sản chung, chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh

Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Hòa
- Bà Hoàng Thị Mơ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Phượng -
Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp tài sản chung, chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Triệu Hoài T; địa chỉ hiện tại: Ngõ B, đường N, khối F, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- **Đông Bị đơn:**

+ Bà Dương Thị I, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu B, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Số E, ngõ A, thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

+ Bà Dương Thị G, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

+ Bà Dương Thị L, địa chỉ: Khu B, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

+ Cháu Dương Triệu H, sinh năm 2010. Vắng mặt.

+ Cháu Dương Triệu V, sinh năm 2015. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Dương Triệu H và cháu Dương Triệu V là bà Triệu Hoài T, địa chỉ hiện tại: Ngõ B, đường N, khối F, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

+ Bà Dương Thị T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Dương Thị X, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu B, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Dương Văn B, sinh năm 1970; địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Dương Thị H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1973, địa chỉ: Số B đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Triệu Hoài T, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V trình bày:

Chị và anh Dương Văn T2 kết hôn ngày 05/06/2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L và có hai người con chung là cháu Dương Triệu H, sinh năm 2010 và cháu Dương Triệu V, sinh năm 2015. Ngoài ra anh Dương Văn T2 không có người vợ, người con đẻ, con nuôi nào khác. Ngày 10/03/2022, anh Dương Văn T2 chết không để lại di chúc.

Mẹ đẻ anh Dương Văn T2 là bà Lý Thị C, sinh năm 1941, chết ngày 16/11/2022; bố đẻ là ông Dương Văn H2, sinh năm 1941, chết năm 2020. Bà Lý Thị C và ông Dương Văn H2 sinh được 8 người con, gồm: Dương Thị I, Dương Thị T1, Dương Thị G, Dương Thị X, Dương Văn B, Dương Thị L, Dương Thị H1 và cuối cùng là anh Dương Văn T2. Bố mẹ đẻ bà Lý Thị C đều đã chết từ lâu, không có cha mẹ nuôi; ngoài những người con nêu trên, bà Lý Thị C và ông Dương Văn H2 không có người con đẻ, con nuôi nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân, năm 2014 chị và anh Dương Văn T2 đã mua nhà và đất tại khối H, phường T, thành phố L, thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích là 142,5 m², ngày 29/9/2014 đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH-01878, mang tên ông Dương Văn T2 và bà Triệu Hoài T; ngoài ra, tháng 12/2020 vợ chồng chị mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI i10, biển kiểm soát: 12A-149.52 với giá hơn 400.000.000 đồng,

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030915 mang tên chị Triệu Hoài T. Hiện chiếc xe ô tô chị đang quản lý sử dụng, còn nhà đất khóa cửa không ai ở.

Khi anh Dương Văn T2 chết, chị là người lo chi phí mai táng hết tổng số tiền là 235.000.000 đồng; tiền phúng viếng thu được 301.000.000 đồng, sau khi trừ đi chi phí mai táng còn dư lại 66.000.000 đồng, số tiền này chị đã dùng để chi làm 49 ngày, sửa sang phần mộ và làm giỗ đầu cho anh Dương Văn T2 hết, nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản tiền này.

Ngoài ra, sau khi anh Dương Văn T2 chết, chị được cơ quan anh Dương Văn T2 chi trả tổng số tiền là 842.087.173 đồng, bao gồm các khoản như: Trợ cấp quân nhân tử trận 149.566.200 đồng, trợ cấp theo Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ là 281.252.400 đồng, tiền tử tuất 1 lần đối với thân nhân người mất là 392.519.273 đồng, trợ cấp mai táng 14.900.000 đồng, trợ cấp khu vực 1 lần là 849.300 đồng, trợ cấp hỗ trợ tang lễ là 3.000.000 đồng. Đây là tiền bù đắp cho thân nhân người mất là mẹ đẻ, vợ và các con của anh Dương Văn T2, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Tháng 7/2020, vợ chồng chị vay Ngân hàng TMCP B2, chi nhánh L1 số tiền là 750.000.000 đồng, để phục vụ việc học cao học và lo công việc của anh Dương Văn T2. Ngoài ra, tháng 12/2020 khi mua xe ô tô, anh Dương Văn T2 vay của chị B1, bạn anh T2 (chị không biết họ đệm và địa chỉ) số tiền 200.000.000 đồng và vợ chồng chị nợ Ngân hàng Q 200.000.000 đồng trả góp mua xe ô tô. Trước khi anh Dương Văn T2 chết, vợ chồng chị đã trả hết nợ cho chị B1, còn khoản nợ Ngân hàng, tính đến ngày 10/03/2022 sau khi anh Dương Văn T2 chết, vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng TMCP B2 số tiền 631.000.000 đồng và nợ Ngân hàng Q số tiền là 174.000.000 đồng. Đến tháng 7/2023 chị đã trả xong toàn bộ hai khoản nợ trên cho Ngân hàng, hiện không còn vay nợ ai.

Nay nguyên đơn chị Triệu Hoài T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Phân chia tài sản chung vợ chồng giữa chị và anh Dương Văn T2 gồm nhà và đất tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 21, diện tích 142,5 m² địa chỉ khối H, phường T, thành phố L nêu trên và 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI i10, biển kiểm soát 12A-149.52, sau khi trừ đi nghĩa vụ nợ chung, còn lại chia tài sản chung thành 2 phần bằng nhau cho chị và anh Dương Văn T2.

2. Phân chia di sản thừa kế của anh Dương Văn T2 để lại có trong khối tài sản chung vợ chồng nêu trên theo quy định của pháp luật về thừa kế, đề nghị chia đều làm 4 phần bằng nhau cho 4 người, gồm bà Lý Thị C, chị Triệu Hoài T và hai cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V. Chị Triệu Hoài T yêu cầu được quản lý, sở hữu, sử dụng các tài sản chung và chị sẽ có trách nhiệm thanh toán bằng tiền tương ứng với phần giá trị tài sản cho những người được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V: Với tư cách là người đại diện theo pháp luật chị Triệu Hoài T yêu cầu Tòa án giải quyết: Phân chia phần di sản thừa kế của bà Lý Thị C được nhận từ di sản của anh Dương Văn T2 để lại, chia

theo quy định của pháp luật thành 8 phần bằng nhau, cho 8 người con của bà Lý Thị C, phần của anh Dương Văn T2 chia cho cháu Dương Triệu H và Dương Triệu Vũ hưởng thừa kế thế vị. Còn chi phí mai táng và các tài sản khác của bà Lý Thị C để lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo, bị đơn bà Dương Thị I, Dương Thị G, Dương Thị L đều trình bày:

Anh Dương Văn T2 là người em trai ruột thứ 8 trong gia đình, còn chị Triệu Hoài T là em dâu. Chị Triệu Hoài T và anh Dương Văn T2 kết hôn hợp pháp, có 02 người con chung là cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V, ngoài ra không có người con đẻ, con nuôi nào khác. Mẹ đẻ của anh Dương Văn T2 tên Lý Thị C, sinh năm 1941, chết ngày 16/11/2022; bố đẻ là Dương Văn H2, sinh năm 1941, chết năm 2020. Bố mẹ các bà sinh được 8 người con gồm: Dương Thị I, Dương Thị T1, Dương Thị G, Dương Thị X, Dương Văn B, Dương Thị L, Dương Thị H1 và anh Dương Văn T2, ngoài ra bố mẹ các bà không có cha mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi nào khác. Cha mẹ bà Lý Thị C đều đã chết từ lâu.

Ngày 10/3/2022 anh Dương Văn T2 chết, không để lại di chúc. Quá trình chung sống, vợ chồng anh Dương Văn T2 có mua được 01 nhà đất tại đường N, khối H, phường T, thành phố L và 01 chiếc xe ô tô hiệu HUYNDAI i10, biển kiểm soát và đăng ký xe mang tên ai các bà không biết. Các tài sản này chính là tài sản chị Triệu Hoài T đang yêu cầu Tòa án giải quyết. Các tài sản trên do anh Dương Văn T2 và chị Triệu Hoài T tự tạo dựng được, các bà không có đóng góp gì, ngoài ra không có tài sản nào khác.

Sau khi anh Dương Văn T2 chết, chị Triệu Hoài T là người lo mai táng; tiền phúng viếng và tiền tử tuất được đơn vị chi trả cũng do chị Triệu Hoài Thu n và quản lý, nay các bà không có ý kiến, yêu cầu gì về số tiền này. Khi còn sống, anh Dương Văn T2 và chị Triệu Hoài T có vay nợ ai hay không các bà không biết, không nghe anh Dương Văn T2 nói bao giờ.

Chị Triệu Hoài T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế, các bà Dương Thị I, Dương Thị G, Dương Thị L đều khẳng định không tranh chấp thừa kế tài sản của anh Dương Văn T2 để lại với chị Triệu Hoài T và 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V. Tuy nhiên, sau khi anh Dương Văn T2 chết chưa được bao lâu, chị Triệu Hoài T đăng bán nhà đất của vợ chồng, nên đã đề nghị các bà ký vào giấy từ chối tài sản thừa kế để chị Triệu Hoài T chuyển nhượng nhà đất, nhưng các bà không ký vì không đồng ý để chị Triệu Hoài T bán nhà đất anh Dương Văn T2 để lại, các bà muốn giữ nhà đất này cho hai con anh Dương Văn T2 và để làm nơi thờ cúng sau này, đúng theo di nguyện của anh Dương Văn T2. Khi nào hai cháu Dương Triệu H, Dương Triệu Vũ đủ 18 tuổi, có đầy đủ quyền công dân, nếu các cháu yêu cầu ký từ chối tài sản thì các bà sẽ ký từ chối nhận tài sản, để lại cho hai cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn bà Dương Thị I, Dương Thị G, Dương Thị L không tham gia tố tụng, không có yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Dương Thị G, Dương Thị L vẫn vắng mặt; bà Dương Thị I có mặt và có ý kiến bổ sung: Bà không có ý kiến tranh chấp gì với yêu cầu của chị Triệu Hoài T và hai cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V. Phần tài sản bà được hưởng thừa kế của mẹ đẻ Lý Thị C nhận từ tài sản thừa kế của anh Dương Văn T2 để lại, bà từ chối không nhận và tự nguyện tặng cho cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T1, Dương Thị X, ông Dương Văn B, bà Dương Thị H1 đều khai:

Anh Dương Văn T2 và chị Triệu Hoài T kết hôn hợp pháp và có 02 người con chung tên Dương Triệu H, sinh ngày 28/10/2010 và Dương Triệu V, sinh ngày 04/8/2015. Bố, mẹ đẻ của Dương Văn T2 và cũng là bố mẹ đẻ của các ông bà là cụ Lý Thị C đã chết ngày 16/11/2022 và cụ Dương Văn H2, sinh năm 1941, chết năm 2020. Cụ Lý Thị C và cụ Dương Văn H2 có 8 người con đúng như chị Triệu Hoài T đã khai, anh Dương Văn T2 là người em út thứ 8 trong gia đình; cha mẹ đẻ cụ Lý Thị C đều đã chết từ lâu, anh Dương Văn T2 và cụ Lý Thị C không có con đẻ, con riêng, con nuôi hay cha mẹ nuôi nào khác.

Ngày 10/03/2022 anh Dương Văn T2 chết không để lại di chúc. Tài sản chung của anh Dương Văn T2 và chị Triệu Hoài T gồm 01 nhà đất tại đường N, khối H phường T, thành phố L và 01 chiếc xe ô tô 4 chỗ hiệu HUYNDAI i10 chị T đang quản lý, sử dụng. Các tài sản này do anh Dương Văn T2 và chị Triệu Hoài T tự mua được sau khi kết hôn, gia đình và các ông bà không có đóng góp gì, ngoài ra không biết anh Dương Văn T2 và chị Triệu Hoài T còn tài sản nào khác hay không. Khi chưa chết, các ông bà có nghe anh Dương Văn T2 nói còn nợ tiền mua xe ô tô trả góp, còn vay nợ ai nữa hay không thì các ông bà không biết. Khi anh Dương Văn T2 chết, chị Triệu Hoài T là người lo mai táng, tiền phúng viếng, tiền tử tuất đều do chị Triệu Hoài Thu g. Nay các ông bà đề nghị không giải quyết phần chi phí mai táng, tiền phúng viếng và tử tuất. Còn tài sản là nhà đất và xe ô tô, chị Triệu Hoài T yêu cầu chia, các ông bà nhất trí không có ý kiến gì.

Đối với phần tài sản các ông bà được nhận thừa kế của cụ Lý Thị C từ khối di sản anh Dương Văn T2 để lại, nay các ông bà từ chối nhận di sản và tặng đều cho chị Triệu Hoài T cùng hai cháu Dương Triệu H và Dương Triệu Vũ hưởng, toàn quyền định đoạt.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ông có thửa đất số 131, tờ bản đồ số 21, diện tích khoảng 160m² tại khối H, phường T, thành phố L, giáp với nhà đất chị Triệu Hoài T. Nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng vào khoảng năm 2014, gia đình ông sử dụng ổn định từ đó cho đến nay, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014. Đến năm 2015 gia đình ông xây dựng lại nhà kiên cố 3 tầng như hiện nay. Khi ông xây nhà, gia đình chị Triệu Hoài T có biết nhưng không có ý kiến gì. Nay chị Triệu Hoài T khởi kiện chia di sản thừa kế, quá trình Tòa án thẩm định, đo

đặc lại diện tích đất của gia đình chị Triệu Hoài T phát hiện, phần đất phía sau của chị Triệu Hoài T giáp với đất của gia đình ông bị xê dịch, chồng lấn nhau với diện tích 0,7m². Do diện tích đất lấn qua nhau quá nhỏ, hai gia đình sử dụng đất đều không phát hiện, nay diện tích đất giữa hai nhà đã có tường ngăn rõ ràng và ở ổn định, không phát sinh tranh chấp, nên ông không đề nghị Toà án giải quyết phần diện tích đất bị chồng lấn này, đề hai bên gia đình tự thương lượng giải quyết. Ngoài ra, do công việc bận, không có thời gian tham gia vụ án, nên ông đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp hoà giải theo quy định nhưng các bị đơn không tham gia tố tụng nên không hoà giải được, do vậy Toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên yêu cầu độc lập; bị đơn bà Dương Thị I giữ nguyên ý kiến như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án; xác định thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ; tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định; đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự của phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng về thành phần, trình tự thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký tại phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn chấp hành chưa đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 611, 612; 613; 614; 615; 620; 623; 649; 650; 651; 652, 658 và Điều 660 của Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 5 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 200; 227; 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Xác định tổng giá trị tài sản chung vợ chồng anh Dương Văn T2 và chị Triệu Hoài T, sau đó trừ đi số tiền nợ chung, phần còn lại chia cho chị Triệu Hoài T và anh Dương Văn T2 mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản chung.

2. Chia di sản thừa kế của anh Dương Văn T2 để lại là 50% giá trị tài sản chung, chia đều cho 4 kỹ phần thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh

Dương Văn T2 gồm mẹ đẻ Lý Thị C, vợ Triệu Hoài T, con Dương Triệu H và con Dương Triệu V, mỗi người được nhận 1 kỷ phần bằng nhau.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V. Chia phần tài sản thừa kế của bà Lý Thị C được nhận từ anh Dương Văn T2 để lại, chia đều cho 8 kỷ phần thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lý Thị C gồm các con Dương Thị I, Dương Thị T1, Dương Thị G, Dương Thị X, Dương Văn B, Dương Thị L, Dương Thị H1, Dương Văn T2 mỗi người được hưởng 1 kỷ phần bằng nhau; kỷ phần của anh Dương Văn T2 được chia cho các con là Dương Triệu H, Dương Triệu V thừa kế thế vị.

Ghi nhận việc bà Dương Thị T1, Dương Thị X, ông Dương Văn B và bà Dương Thị H1 tự nguyện tặng phần di sản của mình cho chị Triệu Hoài T và 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V 3 phần bằng nhau.

Ghi nhận việc bà Dương Thị I tự nguyện tặng phần di sản của mình cho 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V 2 phần bằng nhau.

Giao nhà, đất tại khối H, phường T và 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYUNDAI i10, biển kiểm soát 12A-149.52 cho chị Triệu Hoài T được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng và định đoạt.

Buộc chị Triệu Hoài T có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho hai cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V tương ứng với phần tài sản, di sản cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V được nhận từ di sản của bố, thừa kế thế vị từ tài sản của bà Lý Thị C và phần tài sản được các bác Dương Thị I, Dương Thị T1, Dương Thị X, ông Dương Văn B và bà Dương Thị H1 tặng cho.

Buộc chị Triệu Hoài T có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền cho các bà Dương Thị G, Dương Thị L tương ứng với phần di sản các bà được nhận thừa kế của mẹ đẻ Lý Thị C.

Về chi phí tố tụng và án phí: Buộc chị Triệu Hoài T phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia, được hưởng thừa kế và được tặng cho. Ghi nhận việc chị Triệu Hoài T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và chịu án phí đối với phần tài sản được những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thị T1, Dương Thị X, Dương Văn B và Dương Thị H1 đã tặng cho tài sản cho chị và 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà, đồng bị đơn bà Dương Thị G và Dương Thị L đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là cháu Dương Triệu Hoàng V1 Dương Triệu V tuy vắng mặt nhưng đã có người

đại diện theo pháp luật tham dự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm bà Dương Thị T1, Dương Thị X, ông Dương Văn B, bà Dương Thị H1 và ông Nguyễn Tiên D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ dân sự, phát sinh giữa các thành viên trong gia đình về việc chia di sản thừa kế, quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tài sản tranh chấp là bất động sản tại thành phố L. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế: Ngày 09/10/2023 nguyên đơn có đơn khởi kiện phân chia di sản thừa kế của anh Dương Văn T2 chết ngày 10/3/2022 để lại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lý Thị C chết ngày 16/11/2022 để lại. Căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự, xác định yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Dương Văn T2 và bà Lý Thị C để lại đều còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về thời điểm mở thừa kế: Căn cứ giấy chứng tử do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự đều khẳng định: Anh Dương Văn T2 chết ngày 10/3/2022, bà Lý Thị C chết ngày 16/11/2022. Do vậy thời điểm mở thừa kế của anh Dương Văn T2 là ngày 10/3/2022 và thời điểm mở thừa kế của bà Lý thị C1 là ngày 16/11/2022.

[5] Về hàng thừa kế: Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu kèm theo, các đương sự đều khai thống nhất: Thời điểm ngày 10/3/2022, khi anh Dương Văn T2 chết, mẹ đẻ là bà Lý Thị C còn sống; chị Triệu Hoài T là vợ hợp pháp và có 02 người con là Dương Triệu H, sinh năm 2010 và Dương Triệu V, sinh năm 2015 đang là học sinh, như vậy hàng thừa kế thứ nhất của anh Dương Văn T2 là gồm 4 người nêu trên. Về hàng thừa kế của bà Lý Thị C xác định: Bà Lý Thị C có chồng là ông Dương Văn H2, sinh năm 1941, chết năm 2020 và có 08 người con gồm các bà Dương Thị I, Dương Thị T1, Dương Thị G, Dương Thị X, ông Dương Văn B, bà Dương Thị L, Dương Thị H1 và người con út chính là anh Dương Văn T2 đã chết ngày 10/3/2022, anh Dương Văn T2 chết trước bà Lý Thị C, tuy nhiên anh Dương Văn T2 có 2 người con thừa kế thế vị, nên hàng thừa kế thứ nhất của bà Lý Thị C có 07 người con đẻ như nêu trên và 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V là người thừa kế thế vị của anh Dương Văn T2.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị phân chia tài sản chung vợ chồng, xét thấy: Trên cơ sở kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc thửa đất, cùng những tài liệu liên quan đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, xác định được như sau:

[6.1] Đối với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 21, tại khối H, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp thửa 131 của ông Nguyễn Trung D1; phía Tây giáp thửa 113 của Bệnh viện phục hồi chức

năng tỉnh Lạng Sơn; phía Nam giáp đường N; phía Bắc giáp thửa 125 của ông Bé Đức H3. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 có gác xép loại 3B, nhà đã cũ, gồm 2 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng bếp và 1 phòng vệ sinh. Nhà và đất đều đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BT 609188, sổ vào sổ cấp GCN: CH-01878, cấp ngày 29/9/2014, mang tên ông Dương Văn T2 và bà Triệu Hoài T với tổng diện tích đất là 142,5m². Tuy nhiên trên kết quả trích đo xác định, có 0,7m² tại đỉnh điểm từ A1, A2, B1, thuộc một phần thửa đất số 130 hiện gia đình ông Nguyễn Trung D1 đang sử dụng. Ngoài ra bên phía Tây của thửa đất số 130 có một khe trống nhỏ, diện tích 0,67m² (cạnh điểm B7, B8) xen kẹp giữa thửa 130 và 113 và thuộc khuôn viên đất gia đình chị Triệu Hoài T quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh L khẳng định, diện tích 0,67m² này không thuộc diện tích thửa đất 113 của Bệnh viện được giao quản lý, sử dụng nên không có ý kiến, yêu cầu gì. Nguyên đơn chị Triệu Hoài T khẳng định, diện tích đất của gia đình chị sử dụng không thiếu so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận và gia đình chị sử dụng đất không có tranh chấp với ai; phần diện tích 0,67m² đất này quá nhỏ, trong phạm vi sai số cho phép khi đo đạc, nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xác định tổng diện tích đất theo giấy chứng nhận là 142,5m² theo giá thị trường tại thời điểm định giá ngày 22/12/2023 là 2.280.000.000 đồng; giá trị nhà trên đất tại thời điểm định giá ngày 22/12/2023 là 202.341.422 đồng. Tổng giá trị cả nhà và đất là 2.482.341.422 đồng.

[6.2] Đối với 01 chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại GRANDI10 màu sơn trắng, biển kiểm soát 12A - 149.52, dung tích 1197. Xe đã được Công an tỉnh L cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030915 mang tên Triệu Hoài T, cấp lần đầu vào ngày 08/12/2020. Tại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030915 thể hiện số máy G4LALM722199; số khung W2DBLN060026. Kết quả thẩm định: Thân vỏ xe không có bong tróc, va đập; các hệ thống kỹ thuật của xe vẫn hoạt động bình thường, không có dấu hiệu tai nạn, hư hỏng hoặc sửa chữa lớn. Xe đã thực hiện đăng kiểm đúng quy định, hiệu lực đăng kiểm đến ngày 11/12/2025. Giá trị chiếc xe ô tô theo giá thị trường tại thời điểm thẩm định giá ngày 12/01/2024 là 310.000.000 đồng.

[6.3] Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, các đồng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng đều khẳng định, nhà đất thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ địa chính số B phường T và 01 xe ô tô con HUYNDAI, số loại GRANDI10 màu sơn trắng, biển kiểm soát 12A - 149.52, dung tích 1197 nêu trên đều do chị Triệu Hoài T và anh Dương Văn T2 tự tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân, không liên quan đến ai. Hội đồng xét xử xác định các tài sản này là tài sản chung vợ chồng giữa anh Dương Văn T2 và chị Triệu Hoài T. Ngoài các tài sản trên, anh Dương Văn T2 không có tài sản chung, riêng nào khác. Như vậy, xác định tổng giá trị tài sản chung của chị Triệu Hoài T và anh Dương Văn T2 là 2.792.341.422 đồng.

[6.4] Về nợ chung: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Hoài T đề nghị đối trừ nghĩa vụ nợ chung của vợ chồng khi giải quyết phân chia tài sản chung.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: HĐTD2302020425, ngày 09/7/2020 của Ngân hàng TMCP B2 thể hiện: Ngày 09/7/2020 chị Triệu Hoài T và anh Dương Văn T2 vay Ngân hàng TMCP B2 số tiền 750.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng - mua sắm đồ gia dụng. Căn cứ bản “Sao kê dư nợ” lập ngày 10/3/2022 của Ngân hàng thể hiện dư nợ gốc khi đó còn 631.250.000 đồng và chị Triệu Hoài T đã tắt toán toàn bộ khoản vay này. Còn đối với khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Q thể chấp bằng chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số loại GRANDI10 màu sơn trắng, biển kiểm soát 12A - 149.52; Căn cứ bản “Chi tiết tài khoản khách hàng” của Ngân hàng TMCP Q thể hiện, ngày 24/3/2022 chị Triệu Hoài T đã tắt toán khoản vay với số tiền là 174.079.680 đồng cho Ngân hàng TMCP Q, sau đó đã được Ngân hàng cấp phiếu giải chấp tài sản là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12A - 149.52 vào ngày 04/01/2024. Căn cứ tài liệu chứng cứ nêu trên, xác định số tiền 631.250.000 đồng nợ Ngân hàng TMCP B2 và số tiền 174.079.680 đồng nợ Ngân hàng TMCP Q, tổng cộng là 805.329.680 đồng, là khoản nợ chung vợ chồng chị Triệu Hoài T và anh Dương Văn T2, cả hai cùng phải có trách nhiệm trả nợ chung. Tuy nhiên sau khi anh T2 chết, chị Triệu Hoài T đã thanh toán toàn bộ khoản nợ trên thay cả phần nghĩa vụ của anh Dương Văn T2, do vậy cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, đối trừ nghĩa vụ trả nợ trên tổng giá trị tài sản chung để hoàn trả cho chị Triệu Hoài T trước khi thực hiện phân chia tài sản chung vợ chồng cho chị Triệu Hoài T và anh Dương Văn T2.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung vợ chồng sau khi trừ đi các nghĩa vụ chung, cụ thể như sau: Tổng giá trị tài sản chung là 2.792.341.422 đồng, trừ tổng số tiền nợ chung chị Triệu Hoài T đã thanh toán là 805.329.680 đồng; còn lại 1.987.011.742 đồng được chia đều cho chị Triệu Hoài T và anh Dương Văn T2, mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản, tương ứng với số tiền là 993.505.870 đồng.

[8] Đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Triệu Hoài T đề nghị phân chia di sản thừa kế của anh Dương Văn T2. Xét thấy: Như đã phân tích tại các mục [6.1], [6.2], [6.3], [6.4] và mục [7], xác định 50% giá trị tài sản của anh Dương Văn T2 có trong khối tài sản chung vợ chồng, tương ứng với số tiền là 993.505.870 đồng chính là di sản thừa kế của anh Dương Văn T2 để lại, nay chị Triệu Hoài T yêu cầu phân chia là có căn cứ, được chấp nhận. Di sản thừa kế của anh Dương Văn T2 để lại nêu trên được chia đều cho 4 xuất thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Lý Thị C, chị Triệu Hoài T, cháu Dương Triệu H và cháu Dương Triệu V, mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế của anh Dương Văn T2 để lại tương ứng với số tiền là 248.376.467 đồng.

[9] Đối với số tiền 66.000.000 đồng dư lại từ tiền phúng viếng sau khi trừ chi phí mai táng, chị Triệu Hoài T khai đã sử dụng để chi các khoản như: Làm 49 ngày, giỗ đầu và sửa sang phần mộ cho anh Dương Văn T2 hết, hiện không còn. Đối với tổng số tiền 842.087.173 đồng, gồm: Tiền trợ cấp quân nhân tử trần 149.566.200 đồng, trợ cấp theo Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ là 281.252.400 đồng, tiền tử tuất 1 lần đối với thân nhân người mất là 392.519.273 đồng, trợ cấp mai táng 14.900.000 đồng, trợ cấp khu vực 1

lần là 849.300 đồng, trợ cấp hỗ trợ tang lễ là 3.000.000 đồng: Hội đồng xét xử xác định đây không phải là di sản thừa kế của anh Dương Văn T2 để lại, mà là khoản tiền để bù đắp tổn thất cho thân nhân người mất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản tiền này; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không yêu cầu phân chia; các bị đơn không có ý kiến phản đối, không có yêu cầu độc lập hoặc yêu cầu phản tố liên quan đến các khoản tiền trên, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản thừa kế của cụ Lý Thị C được nhận từ con trai Dương Văn T2 chia đều cho 8 xuất thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lý Thị C là có căn cứ được chấp nhận. Xác định phần di sản thừa kế của cụ Lý Thị C được nhận từ con trai Dương Văn T2 là 248.376.467 đồng, được chia đều thành 8 phần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lý Thị C, gồm: Bà Dương Thị I, Dương Thị G, Dương Thị L, Dương Thị T1, Dương Thị X, ông Dương Văn B, bà Dương Thị H1 và anh Dương Văn T2, mỗi người được hưởng di sản tương ứng với số tiền là 31.047.058 đồng; kỹ phần thừa kế của anh Dương Văn T2 được chia cho hai cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V thừa kế thế vị, cụ thể mỗi người được nhận số tiền là 15.523.529 đồng. Về chi phí mai táng và nghĩa vụ tài chính của cụ Lý Thị C để lại, các đương sự không ai yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Ghi nhận sự tự nguyện về việc tặng cho tài sản, cụ thể:

[11.1] Bà Dương Thị T1, Dương Thị X, ông Dương Văn B và bà Dương Thị H1 được nhận di sản thừa kế của cụ Lý Thị C để lại với tổng số tiền là 124.188.232 đồng, nhưng từ chối nhận di sản và tự nguyện tặng cho phần di sản này cho chị Triệu Hoài T và 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V, nên chị Triệu Hoài T và 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V mỗi người được nhận tài sản tương ứng với số tiền là 41.396.077 đồng.

[11.2] Bà Dương Thị I nhận di sản thừa kế của cụ Lý Thị C tổng là 31.047.058 đồng, nhưng tự nguyện tặng đều phần di sản này cho 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V, mỗi người được nhận tài sản tương ứng với số tiền là 15.523.529 đồng.

[12] Do cụ Lý Thị C đã chết, các cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V còn là học sinh, nên chấp nhận ý kiến của chị Triệu Hoài T. Giao nhà, đất thuộc thửa đất số 130, diện tích 142,5m², tờ bản đồ địa chính số 21 khối H, phường T và 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI i10, biển kiểm soát 12A-149.52 cho chị Triệu Hoài T được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng và định đoạt. Buộc chị Triệu Hoài T có trách nhiệm thanh toán bằng tiền phần giá trị di sản cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V được hưởng di sản của bố đẻ + phần di sản thừa kế thế vị được nhận từ di sản của bà Lý Thị C + phần tài sản được các bác Dương Thị I, Dương Thị T1, Dương Thị X, Dương Văn B, Dương Thị H1 tặng cho; buộc chị Triệu Hoài T có trách nhiệm thanh toán bằng tiền giá trị di sản cho các

bà Dương Thị G, Dương Thị L được nhận từ di sản thừa kế của mẹ đẻ Lý Thị C (nhận từ con trai Dương Văn T2) chết để lại.

[13] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi thực hiện thẩm định, định giá tài sản và đo đạc thửa đất là 11.850.000 đồng chị Triệu Hoài T đã thanh toán, nay chị Triệu Hoài T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được phân chia, được hưởng thừa kế và được tặng cho tài sản, để sung ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Hoài T tự nguyện chịu cả phần án phí thay cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V đối với phần tài sản 124.188.232 đồng được những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Dương Thị T1, Dương Thị X, Dương Văn B, Dương Thị H1 tặng cho; cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V đang là học sinh và bà Dương Thị I là người cao tuổi (trên 60 tuổi), đều thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và miễn án phí, các đương sự đều đã có đơn xin miễn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V, cả phần án phí đối với tài sản được bà Dương Thị I tặng cho.

[15] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[16] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 227; các Điều 228; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 614, 615, 649, 650, 651, 652, 658, 660 và Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 33; Điều 77 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Hoài T.

1.1. Chia tài sản chung vợ chồng chị Triệu Hoài T và anh Dương Văn T2 gồm:

- 01 Nhà và đất tại thửa đất số 130, diện tích 142,5m² thuộc tờ bản đồ địa chính số B phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B/T 609188, số vào sổ cấp GCN: CH-01878, do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 29/9/2014, mang tên ông Dương Văn T2 và bà Triệu Hoài T. Đất có tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp thửa 131 của ông Nguyễn Trung D1;

Phía Tây giáp thửa 113 của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Lạng Sơn;

Phía Nam giáp đường N;

Phía Bắc giáp thửa 125 của ông Bế Đức H3;

(Diện tích đất, cạnh dài thửa đất được thể hiện chi tiết tại bản trích đo khu đất tranh chấp do Công ty cổ phần T3 bản đồ và môi trường Sông Tô đo vẽ kèm theo bản án).

- 01 chiếc xe ô tô con hiệu HUYUNDAI, số loại GRANDI10 màu sơn trắng, biển kiểm soát 12A - 149.52, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030915 mang tên Triệu Hoài T cấp lần đầu ngày 08/12/2020.

Tổng giá trị tài sản chung sau khi trừ đi tổng nợ chung, còn lại 1.987.011.742 đồng, chia cho chị Triệu Hoài T và anh Dương Văn T2 mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản chung, tương ứng với giá trị tài sản mỗi người được nhận làm tròn là 993.505.870 đồng (chín trăm chín mươi ba triệu, năm trăm linh năm ngàn, tám trăm bảy mươi đồng).

1.2. Chia di sản thừa kế của anh Dương Văn T2 để lại là 50% giá trị tài sản chung tương ứng với số tiền là 993.505.870 đồng (chín trăm chín mươi ba triệu, năm trăm linh năm ngàn, tám trăm bảy mươi đồng) chia đều cho 4 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Dương Văn T2 là cụ Lý Thị C, chị Triệu Hoài T, cháu Dương Triệu H và cháu Dương Triệu V, mỗi người được nhận 248.376.467 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm bảy sáu ngàn, bốn trăm sáu bảy đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V.

Chia di sản của cụ Lý Thị C được nhận từ anh Dương Văn T2 là 248.376.467 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm bảy sáu ngàn, bốn trăm sáu bảy đồng) chia cho 8 người con của cụ Lý Thị C gồm bà Dương Thị I, Dương Thị G, Dương Thị L, Dương Thị T1, Dương Thị X, ông Dương Văn B, bà Dương Thị H1 và anh Dương Văn T2 mỗi người được hưởng số tiền là 31.047.058 đồng (ba mươi một triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn, không trăm năm tám đồng); phần của anh Dương Văn T2 được chia cho hai cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V thừa kế thế vị, mỗi người được nhận số tiền là 15.523.529 đồng (mười lăm triệu, năm trăm hai mươi ba ngàn, năm trăm hai chín đồng).

Ghi nhận việc tặng cho tài sản thừa kế của bà Dương Thị T1, Dương Thị X, ông Dương Văn B và bà Dương Thị H1 được nhận tổng là 124.188.232 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, hai trăm ba mươi hai đồng), tặng cho chị Triệu Hoài T và 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V, do vậy chia cho chị Triệu Hoài T và 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V mỗi người được nhận tài sản tặng cho tương ứng với số tiền là 41.396.077 đồng (bốn mươi một triệu, ba trăm chín sáu ngàn, không trăm bảy bảy đồng).

Ghi nhận việc tặng cho tài sản thừa kế của bà Dương Thị I được nhận là 31.047.058 đồng (ba mươi một triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn, không trăm năm tám đồng), tặng đều cho 2 cháu Dương Triệu H, Dương Triệu V, mỗi người được nhận tài sản tặng cho tương ứng với số tiền là 15.523.529 đồng (mười lăm triệu, năm trăm hai mươi ba ngàn, năm trăm hai chín đồng).

3. Giao Nhà và đất tại thửa đất số 130, diện tích 142,5m² thuộc tờ bản đồ địa chính số B phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BT 609188, số vào sổ cấp GCN: CH-01878, do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 29/9/2014, mang tên ông Dương Văn T2 và bà Triệu Hoài T và 01 chiếc xe ô tô con hiệu HUYNDAI, số loại GRANDI10 màu sơn trắng, biển kiểm soát 12A - 149.52, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030915 mang tên Triệu Hoài T cấp lần đầu ngày 08/12/2020, cho chị Triệu Hoài T được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng và định đoạt.

Bà Triệu Hoài T có quyền đăng ký kê khai, đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

4. Buộc chị Triệu Hoài T có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản bằng tiền cho cháu Dương Triệu H và Dương Triệu Vũ phần tài sản các cháu được hưởng từ di sản của bố Dương Văn T2 + phần tài sản thừa kế thế vị được nhận từ di sản của bà Lý Thị C + phần tài sản được bị đơn Dương Thị I và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị T1, Dương Thị X, ông Dương Văn B và bà Dương Thị H1 tặng cho, tổng số tiền thanh toán cho mỗi người là 320.819.602 đồng (ba trăm hai mươi triệu, tám trăm mười chín ngàn, sáu trăm linh hai đồng).

Buộc chị Triệu Hoài T có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản bằng tiền cho bà Dương Thị G, Dương Thị L phần di sản được nhận từ di sản thừa kế của cụ Lý Thị C, tương ứng với số tiền mỗi bà được nhận là 31.047.058 đồng (ba mươi một triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn, không trăm năm tám đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Triệu Hoài T, tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 11.850.000 đồng (mười một triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng), xác nhận chị Triệu Hoài T đã thanh toán đủ số tiền này.

6. Về án phí:

Miễn án phí cho cháu Dương Triệu H và Dương Triệu V.

Buộc chị Triệu Hoài T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 52.982.117 đồng (năm mươi hai triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn một trăm mười bảy đồng). Xác nhận chị Triệu Hoài T đã nộp 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000006 ngày 03/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, sau khi khấu trừ, chị Triệu Hoài T phải nộp tiếp số tiền án phí là 38.982.117 đồng (ba mươi tám triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn, một trăm mười bảy đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Buộc các bà Dương Thị G và Dương Thị L mỗi người phải chịu 1.552.352 đồng (một triệu năm trăm năm mươi hai ngàn, ba trăm năm hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và bị đơn Dương Thị I có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn Dương Thị G và Dương Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thanh